**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-PT
Ngày: 29/8/2018.
V/v: "Tranh chấp chia
di sản thừa kế ".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chinh.

*Các Thẩn phán:* Ông Lê Quốc Thành;

Bà Lê Thị Dung

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và ngày 29 tháng 8 N 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/DSPT ngày 19/6/2018 về việc: "Tranh chấp chia di sản thừa kế" theo Qết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXPT- DS ngày 05/7/2018 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Cụ Dương Thị Q, sinh N 1922.

Trú tại:Thôn 3, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo ủy Quyền của cụ Q:* Ông Nguyễn Quốc T.

Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*2.Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh N1939.

Trú tại: Thôn 5, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*Người bảo vệ Qền và lợi ích hợp pháp của bà L:* Bà Nguyễn Thị Quế - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

*3.Người có Qền lợi, nghĩa vụ L quan:*

3.1. Anh Nguyễn Quốc H, sinh N 1972.

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Anh Nguyễn Quốc M, sinh N 1975.

Trú tại: Thôn 7, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Chị Nguyễn Thị B, sinh N 1979.

Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Anh Nguyễn Quốc G, sinh N 1984.

Trú tại: Thôn 9, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Ông Nguyễn Tiến D, sinh N 1955.

Trú tại: Thôn 10, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.6. Ông Nguyễn Quốc Doãn, sinh N 1960.

Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.7. Ông Nguyễn Quốc T, sinh N 1965.

Trú tại: Thôn 12, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.8. Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1969

Trú tại: Thôn 13, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.9. Bà Nguyễn Thị S, sinh N 1973.

Trú tại: . Thôn 14, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*- Người đại diện theo ủy Qền của ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S:* Ông Nguyễn Quốc T.

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*- Người đại diện theo ủy Qền của anh Nguyễn Quốc M, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Quốc G:* Anh Nguyễn Quốc H.

Địa chỉ: Thôn 16, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị L, anh Nguyễn Quốc H và Trợ giúp viên pháp lý của bà L; những người còn lại vắng mặt (đã ủy Qền cho ông T và anh H)

**NỘI D VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện của cụ Dương Thị Q ngày 10/10/2017 và quá trình giải Quyết tại Tòa án, người diện theo ủy Quyền của cụ Q là ông Nguyễn Quốc T trình bày:*

Cụ Dương Thị Q và cụ Nguyễn Quốc L sinh được 06 người con gồm các ông, bà: Nguyễn Quốc D, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị S. Ông D chết ngày 09/05/2016, có vợ là bà Trần Thị L và 04 người con.

Cụ Q và cụ L có khối tài sản chung bao gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 319, tờ bản đồ 02, Bản đồ 299/TTg 1985, diện tích trên bản đồ 491m$^2$, Tơng ứng là thửa số 57, tờ bản đồ 18, Bản đồ địa chính 2006, diện tích trên bản đồ 627, 4m$^2$; sổ mục kê đều mang tên ông Nguyễn Quốc D. N 2007 UBND huyện Thiệu Hóa đã cấp giấy chứng nhận Qền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) cho ông Nguyễn Quốc D nhưng đã bị thu hồi và hủy bỏ.

Tài sản trên đất có căn nhà ngói 5 gian và 3 gian nhà bếp, sân lát gạch. Nguồn gốc nhà, đất là của tổ tiên để lại hết đời này đến đời khác, cụ L là đời thứ 5. N 1940 cụ Q về làm dâu, quá trình ở nhà hư hỏng, dột nát đến đâu các cụ tu sửa, cải tạo đến đấy. Theo cụ Q diện tích đất tăng 136m$^2$ so với bản đồ 299 là do phía trước nhà có cái điếm tuần của làng (khoảng 25 - 30m$^2$), khoảng N 1965 dân làng không còn sử dụng nên N 1970 vợ chồng cụ đã rào và quản lý, sử dụng thành khuôn viên liền thửa L tục đến nay.

Năm 1970 ông D lấy bà Trần Thị L, N 1991 cụ L chết không để lại di chúc. Quá trình ở, ngôi nhà ngói 05 gian xuống cấp, cụ Q tuổi già, các em ông D mỗi người ở một nơi nên ông D có xin phép tu sửa, nâng cấp có sử dụng cột và gỗ của ngôi nhà cũ, mục đích lấy nơi mẹ con sinh hoạt cho đàng hoàng hơn chứ không phải cho ông D đất để làm nhà, còn khu bếp 3 gian ông D, bà L đã tự ý phá bỏ xây mới ngôi nhà hai tầng.

Do mâu thuẫn giữa cụ Q và vợ chồng ông D, bà L nên N 2012 cụ Q phải ra Hà nội ở với ông Nguyễn Quốc T, N 2016 ông D chết, toàn bộ diện tích hiện nay bà L đang quản lý. Nhiều lần gia đình đã họp yêu cầu bà L đưa một phần đất để cụ Q làm nhà ở và thờ chồng nhưng các bên không thống nhất được dẫn đến mâu thuẫn mẹ con ngày càng nặng nề.

Nay cụ Q có nguyện vọng muốn có nơi về ở dưỡng già, do đó cụ Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia ½ di sản của cụ L cho cụ và các con, phần của cụ xin nhận bằng đất và không yêu cầu công sức trông nom, duy trì di sản, nếu trên đất có tài sản của bà L cụ sẽ thanh toán lại bằng tiền.

Ngày 11/4/2018, cụ Q có biên bản đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của cụ: Toàn bộ kỷ phần của cụ với kỷ phần của ông D, ông D, bà T, bà N, bà S và 1/2 tài sản chung của vợ chồng mà cụ được hưởng (313,7m$^2$) sẽ giao lại cho các con trai gồm: Nguyễn Quốc T, Nguyễn Quốc D và Nguyễn Quốc D để xây dựng nhà cửa và có nghĩa vụ chăm sóc cụ.

*- Tại bản tự khai và quá trình giải Quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị L và người đại diện theo ủy Quyền của bà là ông Nguyễn Quốc T trình bày:*

Bà L thừa nhận cụ Q và cụ L có 06 người con chung, trong đó ông Nguyễn Quốc D là chồng bà đã chết ngày 09/05/2016, vợ chồng bà có 04 con gồm: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Quốc M, Nguyễn Thị B và Nguyễn Quốc G.

Về nguồn gốc đất do tổ tiên để lại như cụ Q trình bày là đúng, qua 5 đời sử dụng, đến chồng bà là đời thứ 6. N 1970 bà về làm dâu, trên đất có ngôi nhà 5 gian lợp ngói và 3 gian nhà bếp, vợ chồng bà ở cùng bố mẹ chồng, nhà hư hỏng đến đâu gia đình sửa chữa đến đó.

Theo bà L, mảnh đất của tổ tiên để lại chỉ có 491m$^2$ (theo bản đồ 299), diện tích hiện nay tăng 136m$^2$ là do N 1989 vợ chồng bà làm đơn xin đất và được UBND xã Thiệu Thịnh cấp cho miếng đất điếm canh bỏ hoang của làng liền kề với đất của gia đình, sau khi được cấp gia đình đã bồi lấp và quản lý, sử dụng thành khuôn viên với diện tích đất của cha ông để lại.

Ngoài ra N 1983, theo chế độ giãn dân vợ chồng bà còn được UBND xã Thiệu Thịnh cấp 07 thước đất (khoảng 230m$^2$) tại khu Mã Vàng, nhưng cụ L không cho vợ chồng bà ra ở riêng vì ông D là con trai cả phải ở đất của tổ tiên để thờ cúng, cụ L đã cho ông Nguyễn Quốc D ra ở. Đến N 2015 khi vợ chồng bà và cụ Q có mâu thuẫn, cụ Q và các em trong gia đình mới khiếu nại yêu cầu hủy GCNQSDĐ mang tên chồng bà.

Nay cụ Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ L bà không đồng ý, vì đây là đất là của tổ tiên, cụ Q không có giấy tờ gì đứng tên, bà đề nghị giữ nguyên đất để làm nhà thờ như ý nguyện của các cụ từ xưa.

Ngày 21/11/2017, bà Trần Thị L có đơn phản tố với nội D yêu cầu Tòa án xem xét trên đất hiện nay có các công trình của vợ chồng bà làm từ N 2014 gồm: 01 ngôi nhà ngói 5 gian có sử dụng một số cột và gỗ của ngôi nhà cũ, ngôi nhà này để thờ cúng tổ tiên; 01 nhà 2 tầng tổng diện tích 98m$^2$ và khuôn viên sân, cổng, Tòng hoa xung quanh nhà. Khi làm đã xin phép được cụ Q và mọi người đồng ý.Tổng số tiền vợ chồng bà làm công trình hết 798.000.000đ. Nếu chia thừa kế, bà đề nghị giải Qết theo pháp luật.

*- Các con của cụ Q, cụ L gồm: ông Nguyễn Tiến D; Nguyễn Quốc Doãn; Nguyễn Quốc T; Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị S trình bày:*

Các ông, bà đều xác nhận nguồn gốc đất và di sản trên đất như cụ Q trình bày là đúng, N 1940 khi cụ Q kết hôn với cụ L thì hai cụ về khu đất trên ở cùng ông bà nội là cụ Nguyễn Quốc Quỳ và cụ Hoàng Thị Ớn, từ N 1940 cho đến nay không có ai tranh chấp.

Năm 1970 ông D lấy bà L ở cùng với bố mẹ, những người con khác lần lượt xây dựng gia đình và ra ở riêng, do nhà xuống cấp, cụ L mất sớm nên ông D, bà L có xin phép cụ Q để tu sửa, nâng cấp khu nhà 5 gian để lấy nơi mẹ con cùng ở, việc xây dựng vẫn trên nền của khu nhà cũ, còn khu bếp 3 gian, vợ chồng bà L tự ý phá dỡ xây nhà hai tầng như hiện nay. Các con của cụ Q không yêu cầu chia tài sản trên đất, nếu được chia thừa kế đều thống nhất giao lại kỷ phần của mình cho cụ Q sở hữu, sử dụng.

*- Các con của ông D, bà L gồm: anh H, anh G, anh M và chị B do anh Nguyễn QuốcH đại diện đều thống nhất trình bày:*

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Q, vì đây là đất của tổ tiên để lại được chuyển từ thế hệ trước cho thế hệ sau có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, ông D là đời thứ 6, họ hàng gia tộc đã có phả ước được các thành viên của đời thứ 5 và thứ 6 thực hiện. Cụ L đã bàn giao cho ông D được Quyền sử dụng, ông D, bà L đã xây dựng ngôi nhà 5 gian để thờ cúng và khu nhà hai tầng để ở. Việc xây dựng đã được cụ Q và các cô chú trong gia đình đồng ý.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã Qết định:***

Căn cứ các Điều 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của cụ Dương Thị Q đối với di sản của cụ Nguyễn Quốc L; xác định di sản của cụ L là 1/2 diện tích đất tại thửa số 57, tờ bản đồ số 18 N 2006 (313,7$m^2$) ; chấp nhận đơn phản tố của bà Trần Thị L về nhà và các công trình trên đất; xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm: Cụ Q, ông D, ông D, ông D, bà T, bà N và bà S; các con ông D gồm: anh H, anh M, anh G, chị B được hưởng kỷ phần của ông D;

- Phân chia cụ thể như sau:

+ Trích công sức tôn tạo, bảo quản di sản cho bà L 24.000.000đ (Tơng đương 40$m^2$ đất).

+ Chia di sản của cụ L cho cụ Q và các con, mỗi kỷ phần được hưởng 23.460.000đ (Tơng đương 39,1$m^2$ ); ghi nhận sự tự nguyện của các con cụ Q dành toàn bộ phần thừa kế cho cụ Q.

+ Anh H, anh G, anh M và chị B (con ông D) mỗi người được hưởng 1/4 kỷ phần của ông D là: 5.865.000đ;

+Chia cho bà L ngôi nhà hai tầng, cửa cổng trên diện tích đất 133,45$m^2$, có tứ cận như sau: Phía Đông G đất cụ Q; phía Tây G đường làng; phía Nam G đường làng; phía Bắc G đất hộ ông Sỹ. Bà L phải trả giá trị vượt quá phần của bà được hưởng cho các con gồm: anh H, anh M, anh G và chị B mỗi người 5.865.000đ và phải trả giá trị vượt quá phần của bà được hưởng cho cụ Q là 54,35$m^2$ x 600.000đ/$m^2$ = 32.610.000đ.

+ Chia cho cụ Q diện tích đất còn lại là 180,25$m^2$ trị giá 108.150.000đ và nhận tiền mặt 32.610.000đ từ bà L. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Q cho ông D, ông D và ông T toàn bộ kỷ phần 180,25$m^2$ và phần đất là tài sản riêng của cụ Q 313,7$m^2$.

- Về nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản: Cụ Q có trách nhiệm thanh toán cho bà L tiền tài sản 195.000.000đ, nhưng bà L phải trả giá trị đất vượt quá phần của bà được hưởng cho cụ Q 32.610.000đ. Đối trừ cho nhau cụ Q còn phải trả cho bà L số tiền là: 195.000.000đ - 32.610.000đ = 162.390.000đ.

Có sơ đồ kèm theo, ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và giành quyền kháng cáo.

Ngày 21/5/2018, bà Trần Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Án sơ thẩm không khách quan, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà.

***Tại phiên tòa phúc thẩm,*** Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận các nội D sau:

- Xác định toàn bộ quyền sử dụng đất đang tranh chấp tại thửa số 57, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính đo vẽ N 2006, diện tích 627,4$m^2$ là tài sản của cha ông để lại cho cụ Nguyễn Quốc L và cụ Dương Thị Q, trong đó bà Trần Thị L có công sức cùng cụ Q, cụ L mở rộng thêm 136$m^2$. Trị giá quyền sử dụng đất 627,4$m^2$ x 600.000đ/$m^2$ = 376.440.000đ.

Trên đất có các tài sản do vợ chồng bà L, ông D cải tạo và xây mới N 2014 gồm: Nhà ngói 05 gian diện tích 99,75$m^3$ trị giá 170.000.000đ; nhà 02 tầng diện tích 83,4$m^2$ trị giá 274.400.000đ; sân lát gạch đỏ diện tích 87,75 $m^2$ + Tờng hoa 26$m^2$ + ngõ đi lát gạch + cửa cổng trị giá 50.000.000đ. Tổng trị giá tài sản trên đất 798.000.000đ, trong đó ngôi nhà ngói 05 gian đang sử dụng làm nơi ở và thờ cúng, khi xây dựng có sử dụng cột và phần gỗ của ngôi nhà cũ.

Ngoài ra còn có nhà cấp bốn 45,6$m^2$, nhà tạm 39,9$m^2$ , truồng trại 20,2$m^2$ và hệ thống Tường bao xung quanh đã hết khấu hao không định giá.

- Nay các bên thống nhất thỏa thuận: Giao cho cụ Dương Thị Q được quyền L hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất và quyền sử dụng đất mang tên cụ Q theo Q định của luật đất đai. Sau khi cụ Q qua đời toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được giao cho anh Nguyễn Quốc H (là cháu đích tôn) tiếp tục được đứng tên để sử dụng vào mục đích ở và thờ cúng. Cụ Q và anh H không có quyền chuyển nhượng, tặng cho, phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho người khác.

Về án phí: Các bên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo pháp luật.

Kiểm sát viên - VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm về nội D vụ án và về án phí.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thỏa thuận của các bên, ý kiến của Kiểm sát viên.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc tự nguyện thỏa thuận giải Qết toàn bộ vụ án tại cấp phúc thẩm giữa cụ Dương Thị Q và các con của cụ Q, cụ L (do ông Nguyễn Quốc T đại diện) với bà Trần Thị L và các con của bà L, ông D (do anh Nguyễn Quốc H đại diện) là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với phong tục tập quán địa phương và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về án phí:* Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 376.440.000đ được xác định lại, theo đó, cụ Q, ông D là người cao tuổi và bà L là người có công với cách mạng nên được miễn án phí (bà L được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm dân sự); các đương sự còn lại gồm: ông T, ông D, bà N, bà S và anh H, anh M, chị B, anh G phải chịu án phí theo kỷ phần được hưởng.

*Vì các lẽ trên.*

## QẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1, khoản 2 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn cụ Dương Thị Q cùng các con của cụ Q gồm: ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S (do ông Nguyễn Quốc T đại diện) và bị đơn bà Trần Thị L cùng các con của bà L gồm: anh Nguyễn Quốc H, anh Nguyễn Quốc M, chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc G (do anh Nguyễn Quốc H đại diện).

Sửa bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa,

1. Xác định toàn bộ Qền sử dụng đất đang tranh chấp tại thửa số 57, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính N 2006 xã Thiệu Thịnh là tài sản của cha ông để lại cho cụ Nguyễn Quốc L và cụ Dương Thị Q, trong đó bà Trần Thị L có công sức cùng cụ Q, cụ L mở rộng thêm diện tích 136$m^2$ . Tổng giá trị quyền sử dụng đất 627,4$m^2$ x 600.000đ/$m^2$ = 376.440.000đ.

Trên đất có các tài sản do vợ chồng bà L, ông D cải tạo và xây mới N 2014 gồm: Nhà ngói 05 gian diện tích 99,75$m^3$ trị giá 170.000.000đ; nhà 02 tầng diện tích 83,4$m^2$ trị giá 274.400.000đ; sân lát gạch đỏ diện tích 87,75$m^2$ +Tờng hoa 26$m^2$ + ngõ đi lát gạch + cửa cổng trị giá 50.000.000đ. Tổng trị giá tài sản trên đất: 798.000.000đ (Bảy trăm chín tám triệu đồng), trong đó ngôi nhà ngói 05 gian đang sử dụng làm nơi ở và thờ cúng, khi xây dựng có sử dụng vật liệu cột và phần gỗ của ngôi nhà cũ. Ngoài ra còn có nhà cấp bốn 45,6$m^2$, nhà tạm 39,9$m^2$ , truồng trại 20,2$m^2$ và hệ thống Tờng bao xung quanh khu đất đã hết khấu hao không định giá. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Giao cho cụ Dương Thị Q được Qền L hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm Qền để được cấp giấy chứng nhận toàn bộ Qền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất mang tên cụ Q theo Q định của luật đất đai.

3. Sau khi cụ Dương Thị Q qua đời, toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được giao cho anh NguyễnQuốcH (là cháu đích tôn) tiếp tục được đứng tên để sử dụng vào mục đích ở và thờ cúng. Cụ Q và anh H không có quyền chuyển nhượng, tặng cho, phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho người khác.

4.Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Qết số 326/2016/UBTVQH 14; điểm b tiểu mục 1.3, mục 1, phần I Danh mục mức án phí ban hành kèm theo Nghị Qết:

Bà Trần Thị L không phải nộp án phí phúc thẩm dân sự, hoàn trả cho bà L 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2014/0001400 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Dương Thị Q, bà Trần Thị L và ông Nguyễn Quốc D.

Ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S mỗi người phải nộp 1.173.000đ (ông T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 672.000đ theo Biên lai số AA/2014/0001253 ngày 24/10/2017, số tiền ông T còn phải nộp 501.000đ); anh Nguyễn Quốc H, anh Nguyễn Quốc M, anh Nguyễn Quốc G và chị Nguyễn Thị B mỗi người phải nộp 293.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quyết định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND huyện Thiệu Hóa;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*( đã ký )*

**Nguyễn Thị Chinh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

# BIÊN BẢN THỎA THUẬN

Hôm nay ngày 29 tháng 8 N 2018.

Chúng tôi gồm:

1.Ông Nguyễn Quốc T, sinh N 1965.

Trú tại: Số nhà 72, phố Trần Điền, Định Công, Q. Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Là người đại diện theo ủy Qền của nguyên đơn Dương Thị Q và những người có Qền lợi, nghĩa vụ L quan: Nguyễn Quốc Doãn, Nguyễn Quốc G, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị S.

2. Bị đơn: bà Trần Thị L, sinh N 1939.

Trú tại: Thôn 3, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Nguyễn QuốcH, sinh N 1972.

Trú tại: Thôn 3, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Là người đại diện theo ủy Qền của các ông bà: Nguyễn Quốc M, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quốc G.

Nay chúng tôi đã thống nhất giải Qết với nhau toàn bộ vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận như sau:

1. Toàn bộ Qền sử dụng đất đang tranh chấp tại thửa số 57, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính N 2006 xã Thiệu Thịnh là tài sản của cha ông để lại cho cụ Nguyễn Quốc L và cụ Dương Thị Q, trong đó bà Trần Thị L có công sức cùng cụ Q, cụ L mở rộng thêm diện tích 136$m^2$ . Tổng giá trị Qền sử dụng đất 627,4$m^2$ x 600.000đ/$m^2$ = 376.440.000đ.

Trên đất có các tài sản gồm: Nhà ngói 05 gian diện tích 99,75$m^{3,}$ trị giá 170.000.000đ; nhà 02 tầng diện tích 83,4$m^2$ trị giá 274.400.000đ; sân lát gạch đỏ diện tích 87,75$m^2$ + Tờng hoa 26$m^2$ + ngõ đi lát gạch + cửa cổng trị giá 50.000.000đ. Tổng trị giá tài sản trên đất là: 798.000.000đ do vợ chồng bà L, ông D cải tạo và xây mới, trong đó ngôi nhà ngói 05 gian đang sử dụng làm nơi ở và thờ cúng có sử dụng vật liệu cột và phần gỗ của ngôi nhà cũ. Ngoài ra còn có nhà

cấp bốn 45,6$m^2$, nhà tạm 39,9$m^2$ , truồng trại 20,2$m^2$ và hệ thống Tòng bao xung quanh khu đất đã hết khấu hao không định giá.

2. Chúng tôi thống nhất giao cho cụ Dương Thị Q được Qền L hệ với cơ quan nhà nước có thẩm Qền để được cấp giấy chứng nhận Qền sở hữu tài sản trên đất và Qền sử dụng đất mang tên cụ Q theo luật đất đai.

3. Sau khi cụ Dương Thị Q qua đời toàn bộ Qền sử dụng đất và tài sản trên đất được giao cho anh Nguyễn QuốcH (là cháu đích tôn) tiếp tục được đứng tên để sử dụng vào mục đích ở và thờ cúng. Cụ Q và cháuH không có Qền chuyển nhượng, tặng cho, phân chia Qền sử dụng đất và tài sản trên đất cho người khác.

Biên bản này được lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận cho chúng tôi theo Q định của pháp luật.

**CHỮ KÝ CÁC BÊN ĐƯƠNG SỰ**